

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HS-ST
Ngày 27-12-2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Hương

Bà Nguyễn Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Tài Thị Cao Sâm - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 02/2019/HSST ngày 03 tháng 12 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-HS ngày 13-12-2019 đối với:

- Bị cáo: NGUYỄN VĂN N, sinh năm 1993, tại Bình Thuận; Nghề nghiệp: Lâm biển. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: K 4, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960; Có vợ tên Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1996 và có 02 người con.

Tiền án: Không

Tiền sự: Có 01 tiền sự, ngày 29-10-2019, Nguyễn Văn N bị Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, trị trấn trong thời hạn 03 tháng, về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy”

Về nhân thân: Ngày 16-01-2015, Nguyễn Văn N bị Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận, xử phạt 02 năm tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, đến ngày 22-4-2016 thì chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 08-11-2019 đến ngày 11-11-2019 và tạm giam từ ngày 11-11-2019 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công

an huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

+ Bà Trần Thị V, sinh năm 1984. Trú: Thôn Long, xã An, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do buồn gia đình nên Nguyễn Văn N điều khiển xe mô tô biển số 86B4-231. một mình từ nhà ra đường Quốc lộ 1A, hướng Bình Thuận về Ninh Thuận thì gặp một người thanh niên tên T (*Không rõ nhân thân, địa chỉ*) nhờ quá giang xe. Trên đường đi, T rủ N đi trộm cắp tài sản lấy tiền tiêu xài thì N đồng ý. Đến khoảng 09 giờ ngày 06-11-2019, N và T chạy đến khu vực chợ Long thuộc thôn Long, xã An, huyện N, thì phát hiện 01 xe mô tô biển số 85D-188., nhãn hiệu HONDA, số hiệu SH 125I, màu trắng đen của chị Trần Thị V đang dựng ở bên ngoài khu vực chợ và không có người trông coi, nên T kêu N đứng cảnh giới cho T trực tiếp đến dắt trộm xe và cùng nhau tẩu thoát chạy đến thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Tại đây, N và T bàn bạc với nhau đem xe lấy trộm được gửi tại Bệnh viện C và tiếp tục đi tìm tài sản khác để trộm cắp nhưng không được. Sau đó, N và T tự thỏa thuận hoán đổi cho nhau giao xe mô tô biển số 86B4- 231. của N cho T sử dụng, còn xe mô tô biển số 85D-188. lấy trộm được giao cho N sử dụng. Đến ngày 08-11-2019, N điều khiển xe chạy từ C, tỉnh Khánh Hòa về P, tỉnh Bình Thuận để tiêu thụ, nhưng khi chạy qua địa bàn huyện N thì bị Công an huyện N kiểm tra phát hiện và tạm giữ. Quá trình điều tra, Nguyễn Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 48, ngày 11-11-2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N kết luận: 01 xe mô tô biển số 85D-188., nhãn hiệu HONDA, số hiệu SH 125I, màu trắng đen, có số máy F42E-0069, số khung 13DY-069, trị giá: 31.000.000 đồng.

- Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ Tình tiết tăng nặng: Bị can Nguyễn Văn N không có tình tiết tăng nặng.

+ Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố bị can Nguyễn Văn N thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải.

- Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã tạm giữ và xử lý như sau:

+ 01 xe mô tô biển số 85D-188., nhãn hiệu HONDA , số hiệu SH 125I, màu trắng- đen, số máy F42E-0069, số khung 13DY-069, là tài sản của chị Trần Thị V, nên Cơ quan điều tra tiến hành giao trả cho chị V là có cơ sở.

+ 01 điện thoại di động hệ NOKIA màu xám đen có số IMEI: 353408/03/694289/2, 01 áo khoác Jean dài tay, màu đen, đã qua sử dụng; 01

mũ bảo hiểm màu trắng có ghi dòng chữ “VNTRUSS” là tài sản của Nguyễn Văn N, nhưng không liên quan đến vụ án nên Cơ quan điều tra tiến hành giao trả cho chị Nguyễn Thị T (*Niên là em ruột của chị T*), theo nguyện vọng của N là có căn cứ.

+ 01 nỏ bằng thủy tinh; 01 nắp chai bằng nhựa màu xanh, có gắn 02 đoạn ống hút bằng nhựa màu đen; 01 bật lửa ga màu trắng. Đây là dụng cụ sử dụng ma túy của N nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

- Về dân sự: Chị Trần Thị V đã nhận lại tài sản và không yêu cầu nên không xem xét đến.

Đối với chiếc xe 86B4- 231. của Nguyễn Văn N sử dụng làm phương tiện phạm tội, nhưng hiện nay T (*Không rõ họ tên, địa chỉ*) đang sử dụng không biết ở đâu, nên không có cơ sở tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Riêng đối tượng tên T (*Không rõ họ tên, địa chỉ*) đã cùng Nguyễn Văn N thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra, chưa xác định được nhân thân, lai lịch và chưa tiến hành ghi lời khai được, nên Cơ quan điều tra không đề nghị xử lý hình sự trong vụ án này, mà tách hành vi của T ra để tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý trong một vụ án khác, là có cơ sở.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận diễn biến sự việc xảy ra như nội dung cáo trạng đã truy tố.

Bản Cáo trạng số 51/CT-VKS-HS, ngày 30-11-2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên việc truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm s (thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải) khoản 1, khoản 2 (tài sản đã được thu hồi và trả lại cho bị hại; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Điều 51; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù; xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Ninh Phước, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Phước, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết

định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn N khai nhận toàn bộ hành vi của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, những người làm chứng và các chứng cứ khác thu thập tại hồ sơ vụ án trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, nên có đủ cơ sở để xác định bị cáo đã thực hiện hành vi cụ thể như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 06-11-2019, Nguyễn Văn N đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 01 xe mô tô biển số 85D1- 188., loại SH125i màu trắng đen của chị Trần Thị V, trị giá 31.000.000 đồng tại khu vực chợ Long, xã An, huyện N.

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi trên của Nguyễn Văn N là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của các bị hại bà Trần Thị V và đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương.

Bị cáo Nguyễn Văn N là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Lợi dụng sự sơ hở của những người bị hại, bị cáo Nguyễn Văn N đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bà Trần Thị V. Bị cáo Nguyễn Văn N đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện.

Về tiền án: Không có;

Bị cáo có 01 tiền sự: Ngày 29-10-2019, Nguyễn Văn N bị Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, trị trấn trong thời hạn 03 tháng, về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Về nhân thân bị cáo không tốt, cụ thể:

Ngày 16-01-2015, Nguyễn Văn N bị Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận, xử phạt 02 năm tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, đến ngày 22-4-2016 thì chấp hành xong hình phạt tù.

Vì vậy, cần xử lý nghiêm minh bị cáo trước pháp luật, để răn đe, giáo dục và phòng ngừa loại tội phạm này trong xã hội.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng cho bị cáo: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 (tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo) Điều 51 Bộ luật hình sự; nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét hình phạt phù hợp đối với bị cáo Nguyễn Văn N.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[6] Về biện pháp tư pháp: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ninh Phước đã tạm giữ vật chứng và xử lý như sau:

+ 01 xe mô tô biển số 85D-188., nhãn hiệu HONDA , số hiệu SH 125I, màu trắng - đen, số máy F42E-0069, số khung 13DY-069, là tài sản của chị Trần Thị V, nên Cơ quan điều tra tiến hành giao trả cho chị V là có cơ sở.

+ 01 điện thoại di động hệ NOKIA màu xám đen có số IMEI: 353408/03/694289/2, 01 áo khoác Jean dài tay, màu đen, đã qua sử dụng; 01 mũ bảo hiểm màu trắng có ghi dòng chữ “VNTRUSS” là tài sản của Nguyễn Văn N nhưng không liên quan đến vụ án, nên Cơ quan điều tra tiến hành giao trả cho chị Nguyễn Thị T (*Niên là em ruột của chị T*), theo nguyện vọng của N là có căn cứ.

+ 01 nỏ bằng thủy tinh; 01 nắp chai bằng nhựa màu xanh, có gắn 02 đoạn ống hút bằng nhựa màu đen; 01 bật lửa ga màu trắng. Đây là dụng cụ sử dụng ma túy của Nguyễn Văn N, nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với chiếc xe 86B4- 231. của Nguyễn Văn N sử dụng làm phương tiện phạm tội, nhưng hiện nay T (*Không rõ họ tên, địa chỉ*) đang sử dụng không biết ở đâu, nên không có cơ sở tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Riêng đối tượng tên T (*Không rõ họ tên, địa chỉ*) đã cùng Nguyễn Văn N thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra, chưa xác định được nhân thân, lai lịch và chưa tiến hành ghi lời khai được, nên Cơ quan điều tra không đề nghị xử lý hình sự trong vụ án này, mà tách hành vi của Thành ra để tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý trong một vụ án khác, là có cơ sở.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bà Trần Thị V đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Xét quan điểm của Viện Kiểm sát về việc định tội và định khung hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn N, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo là hoàn toàn tương xứng với tính chất, mức độ hành vi nguy hiểm cho xã hội, quan điểm về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Văn N** phạm tội “**Trộm cắp tài sản**”.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn N 09** (chín) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 08-11-2019 và tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) nỏ bằng thủy tinh; 01 (một) nắp chai bằng nhựa màu xanh, có gắn 02 đoạn ống hút bằng nhựa màu đen; 01 (một) bật lửa ga màu trắng; đây là dụng cụ sử dụng ma túy của Nguyễn Văn N, các vật chứng trên được niêm phong ký hiệu NS3A-082242 có chữ ký của Trần N, Phạm Minh T, Nguyễn Ngọc P theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 03-12-2019 giữa Công an huyện N và Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

Về án phí: Căn cứ vào Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, có mặt bị cáo. Quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27-12-2019). Riêng bị hại vắng mặt, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện N;
- VKSND tỉnh N;
- CQĐT Công an huyện N;
- CQTHAHS Công an huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- TAND tỉnh;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Quốc Đạt

